



Đề cương QHQT - Đề cương QHQT

quan hệ quốc tế (Học viện Ngoại giao Việt Nam)

QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Khái niệm Quan hệ quốc tế và Quan hệ chính trị quốc tế.....	2
2. Các nội dung cơ bản của vấn đề mang tính quy luật: Cơ sở hoạt động của các quốc gia trên trường quốc tế là lợi ích quốc gia, được phản ánh đặc biệt qua việc củng cố, bảo vệ và phát triển an ninh, chủ quyền quốc gia. Đây là quy luật then chốt, mang tính tổng quát của QHQT hiện nay.....	2
3. Các nội dung cơ bản của vấn đề mang tính quy luật: Mức độ cùng phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng gia tăng.....	3
4. Khái niệm, phân loại, đặc trưng chủ thể quan hệ quốc tế.....	5
5. Khái niệm Quốc gia.....	6
6. Những nguyên nhân của xung đột quốc tế.....	10
7. Khái niệm và các loại hợp tác quốc tế.....	12
8. Những đặc trưng, vai trò của tổ chức quốc tế.....	13
9. Khái niệm lợi ích quốc gia.....	15
10. Khái niệm sức mạnh quốc gia, những yếu tố tự nhiên cấu thành nên sức mạnh quốc gia.....	16
11. Khái niệm chủ quyền quốc gia. Phân tích một ví dụ minh họa về việc xâm phạm và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên thực tiễn hiện nay.....	17
12. Những quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia trong quan hệ quốc tế....	19
13. Khái niệm các vấn đề toàn cầu. Lấy ví dụ thực tiễn minh họa.....	20
14. Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “Đấu tranh bảo vệ môi trường sống” 22	
15. Thực trạng vấn đề bệnh tật hiểm nghèo trên thế giới.....	23
16. Các giải pháp để ngăn ngừa, đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo.....	24
17. Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “bùng nổ dân số”.....	25

1. Khái niệm Quan hệ quốc tế và Quan hệ chính trị quốc tế

- QHQT là sự tương tác của các chủ thể vượt qua biên giới lãnh thổ quốc gia, trên phạm vi toàn thế giới trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, chính trị. QHQT bao gồm các lĩnh vực chủ yếu:
 - + QH chính trị QT
 - + QH KT QT
 - + QHQT về an ninh, quốc phòng
 - + QHQT về văn hóa, y tế, giáo dục và những vấn đề xã hội.
- QHCTQT là QHQT trên lĩnh vực chính trị: là mối quan hệ về mặt chính trị giữa các nhà nước, giữa các quốc gia dân tộc độc lập có chủ quyền, giữa các tổ chức quốc tế và phòng trào chính trị - xã hội, giữa các vùng, khu vực xoay quanh những vấn đề cấu thành và vận động của nền chính trị thế giới.

Dấu hiệu nhận biết:

- quy mô, phạm vi: mang tính quốc tế: vượt biên giới quốc gia
- chủ thể: chủ thể qhqt nhưng phải có sự ủy quyền của nhà nước, quốc gia, ủy quyền chính thức (đại sứ, trưởng phái đoàn...) hoặc không chính thức (tập đoàn xuyên quốc gia, cá nhân đặc biệt,...)
- nội dung: hệ tư tưởng (các học thuyết ct, tư tưởng ct); quan điểm, đường lối, chủ trương, cương lĩnh của đảng chính trị có liên quan; chính sách pháp luật của nhà nước
- mục đích: giành, giữ, sử dụng quyền lực nhà nước ở trong phạm vi quốc gia; giành, giữ, sử dụng quyền lực của quốc gia trong quan hệ quốc tế

2. Các nội dung cơ bản của vấn đề mang tính quy luật: Cơ sở hoạt động của các quốc gia trên trường quốc tế là lợi ích quốc gia, được phản ánh đặc biệt qua việc củng cố, bảo vệ và phát triển an ninh, chủ quyền quốc gia. Đây là quy luật then chốt, mang tính tổng quát của QHQT hiện nay.

QHQT còn có thể được coi là lĩnh vực tranh chấp, xung đột, hòa giải, đan xen, hợp tác các lợi ích khác nhau giữa các quốc gia. Đây là quy luật then chốt, mang tính tổng quát của QHQT hiện nay. Các quốc gia khi tham gia vào đời sống chính trị quốc tế đều đặt lợi ích quốc gia của mình lên trên hết và đều hướng tới việc bảo vệ, thỏa mãn, phát triển lợi ích quốc gia của mình. Các nhóm lợi ích khác như lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể (lợi ích giai cấp, nhóm, các đảng phái, tổ chức chính trị - xã hội...), lợi ích nhân loại đều

được xem xét dưới góc độ bảo vệ, phát triển lợi ích quốc gia và chỉ được thúc đẩy phát triển khi nó hài hòa với lợi ích quốc gia.

Không ai phủ định việc ưu tiên lợi ích quốc gia trong QHQT, tuy nhiên việc xác định lợi ích quốc gia như thế nào, điều gì đang tác động đến việc xây dựng và thực hiện các lợi ích quốc gia – đó là những điểm mà các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Lợi ích quốc gia là điểm cơ bản trong vạch định chiến lược phát triển, hoạch định và thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại của mỗi quốc gia, là những mục tiêu, nhu cầu mà 1 quốc gia theo đuổi thực hiện ở trong nước cũng như trong QHQT. Việc xác định lợi ích quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong nước, ngoài nước, có yếu tố mang tính tiêu cực, có yếu tố mang tính tích cực, có yếu tố liên quan đến khả năng lãnh đạo, có yếu tố liên quan đến khả năng tổ chức thực hiện... Phân tích các yếu tố tác động, ảnh hưởng đó là 1 phần hết sức cơ bản trong việc xác định lợi ích quốc gia.

Lợi ích quốc gia trong QHQT liên quan và được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội, nhưng lợi ích được ưu tiên, lợi ích cơ bản, lâu dài và bất biến là củng cố, bảo vệ và phát triển an ninh, chủ quyền quốc gia. Độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền và an ninh quốc gia là những giá trị gắn với sự tồn tại và phát triển của bất cứ quốc gia nào, do vậy luôn đc xác định là những mục tiêu và nguyên tắc cơ bản cần theo đuổi thực hiện trong QHQT.

Để thỏa mãn nhu cầu gìn giữ và phát triển lợi ích quốc gia của mình, các nước trên thế giới đều có 2 xu hướng lớn:

- Xu hướng tăng cường tiềm lực quốc phòng thông qua việc củng cố, hiện đại hóa quân đội, tăng cường về quy mô và sự tinh nhuệ của quân đội, mua sắm trang thiết bị, khí tài hiện đại... Điều này phụ thuộc rất lớn vào khả năng kinh tế, tài chính, nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác của quốc gia. Để 1 phần giải quyết khó khăn đó, các quốc gia, nhất là những quốc gia nhỏ và nghèo, thường có xu hướng hợp tác quân sự hoặc ở mức độ cao hơn là liên minh quân sự với nhau và với các quốc gia có tiềm lực quân sự lớn hơn, tạo thành 1 thể cân bằng lực lượng tương đối.
- Xu hướng phát triển kinh tế, lấy kinh tế làm lĩnh vực trung tâm trong QHQT. Nhìn nhận dưới góc độ QHQT, vai trò của KT rất lớn, vừa là 1 yếu tố cấu thành sức mạnh, quyền lực, đảm bảo cho an ninh, chủ quyền quốc gia, vừa là yếu tố của sự thịnh vượng, giàu mạnh và là lĩnh vực hợp tác giữa các nước.

Đối với hầu hết các quốc gia trên thế giới, cả 2 xu hướng trên đều là những xu hướng ưu tiên thực hiện nhằm mục tiêu bảo vệ, thỏa mãn và phát triển lợi ích quốc gia trong QHQT.

3. Các nội dung cơ bản của vấn đề mang tính quy luật: Mức độ cùng phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng gia tăng

Biểu hiện của nó là quá trình toàn cầu hóa về KT, tài chính, thông tin, là sự xuất hiện ngày càng nhiều các vấn đề toàn cầu, là quá trình dân chủ hóa và nhân đạo hóa đời sống quốc tế.

Có nhiều cách hiểu sự cùng phụ thuộc, tuy nhiên k ai phủ nhận thực tế là hiện nay mức độ cùng phụ thuộc đang ngày càng gia tăng, sự cùng phụ thuộc ngày càng phát triển, mở rộng.

Sự cùng phụ thuộc trước hết đc hiểu là sự cùng chung số phận. Các nhà khoa học thuộc các trường phái nghiên cứu QHQT khác nhau đều có quan điểm thống nhất rằng, trong kỷ nguyên hạt nhân k có chỗ đứng riêng cho các quốc gia, ngay cả quốc gia rất hùng mạnh về quân sự, tất cả các quốc gia đều chung 1 số phận khi có chiến tranh hạt nhân xảy ra. Điều này chứng tỏ rằng các quốc gia đang có chỗ đứng giống nhau và có 1 tương lai chung. Việc bảo vệ cho hiện tại và tương lai chỉ có thể thực hiện đc nhờ sự cùng chung hợp tác.

Các tổ chức quốc tế liên chính phủ và phi chính phủ liên tiếp ra đời và k ngừng lớn mạnh cũng là bằng chứng về tính cùng phụ thuộc hiện nay đang đc đẩy mạnh. Các quốc gia ngày càng có nhiều lợi ích chung, bên cạnh lợi ích riêng, lợi ích đặc thù của mỗi quốc gia. Sự đan xen lợi ích giữa các quốc gia thể hiện ngày càng rõ ràng và số lượng phạm vi những lợi ích chung ngày càng mở rộng. Để thực hiện những lợi ích chung này, vai trò của các nhà thiết chế quốc tế đc đẩy mạnh, mở rộng, nhiều tổ chức mới đc lập nên và quy tụ ngày càng nhiều thành viên. Sự hoạt động của các tổ chức quốc tế này sẽ củng cố mối liên hệ, thúc đẩy mức độ quan hệ, mở rộng phạm vi, lĩnh vực quan hệ giữa các quốc gia. Sự hiện diện và phát triển của các tổ chức quốc tế làm tăng thêm sự cùng phụ thuộc giữa các quốc gia.

Bên cạnh đó, thế giới đang đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu đòi hỏi cần có sự phối hợp giữa các quốc gia, các tổ chức quốc tế để khắc phục và giải quyết. Bên cạnh những vấn đề truyền thống như bảo vệ hòa bình, giải quyết việc bùng nổ dân số, giải quyết xung đột, bảo vệ môi trường, chữa trị bệnh tật hiểm nghèo, xuất hiện và trở nên ngày càng bức xúc những vấn đề mới như an ninh phi truyền thống, chống khủng bố, tội phạm quốc tế, sử dụng, quản lý hiệu quả mạng Internet toàn cầu... Đó là những vấn đề k 1 quốc gia riêng lẻ nào có thể sự giải quyết 1 cách triệt để và để giải quyết chúng cần có sự hợp tác chặt chẽ của các quốc gia và khu vực trên thế giới.

Sự phát triển của KHKT, công nghệ và quá trình toàn cầu hóa về kinh tế, tài chính, thông tin... đang làm cho các quốc gia phụ thuộc vào nhau hơn. Sự phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt là về kinh tế, đang phụ thuộc và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tình hình, diễn biến các sự kiện trên thế giới, và trước hết là từ tình hình của nền kinh tế toàn cầu. Nền kinh tế của mỗi quốc gia đang dần trở thành 1 bộ phận của nền KT toàn cầu và những biến động trong nền KT toàn cầu lập tức tác động, ảnh hưởng đến KT của các quốc gia. Cùng với quá trình toàn cầu hóa về KT, các giá trị chung về VH, XH và cuối cùng là chính trị đang đc phổ biến ngày càng rộng rãi. Điều này đòi hỏi quá trình dân

chủ hóa và nhân đạo hóa đời sống quốc tế phải đc thúc đẩy, làm cơ sở cho sự hợp tác bình đẳng, dân chủ giữa các quốc gia.

4. Khái niệm, phân loại, đặc trưng chủ thể quan hệ quốc tế

*** Khái niệm**

Chủ thể QHQT là những thực thể chính trị - xã hội và cá nhân có hoạt động xuyên quốc gia, hoặc có các hoạt động có tác động, ảnh hưởng xuyên quốc gia, làm nảy sinh và phát triển các mối QHQT.

*** Sự phân loại**

Có nhiều phương cách phân loại chủ thể QHQT. Tùy theo mục đích, yêu cầu nghiên cứu, phân tích mà lựa chọn các tiêu chí phân loại cho phù hợp.

- Theo tiêu chí về khả năng thực hiện và gánh vác trách nhiệm, nghĩa vụ quốc tế cũng như tác động và ảnh hưởng của các chủ thể vào sự phát triển của QHQT, có thể phân biệt thành:

- + Quốc gia có chủ quyền: là chủ thể chính, đầy đủ nhất của QHQT.
- + Các tổ chức quốc tế và khu vực: một bộ phận không thể thiếu trong việc giao lưu, thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi quốc tế của các quốc gia.
- + Các tổ chức chính trị - xã hội: các đảng phái, các tổ chức nghề nghiệp, lứa tuổi, tôn giáo, giới tính, sở thích,....
- + Các công ty xuyên quốc gia: các tập đoàn dầu lửa, tập đoàn viễn thông, máy tính,.... có khả năng tác động lớn đến đời sống chính trị thế giới, có mức lợi nhuận lớn hơn nhiều so với một quốc gia nhỏ.
- + Các cá nhân: các lãnh tụ của một quốc gia, các tổ chức quốc tế và các cá nhân bình thường có ảnh hưởng đến đời sống chính trị thế giới.
- Theo phạm vi, mức độ phân tích, các chủ thể QHQT được chia thành:
 - + Công dân và lãnh tụ;
 - + Quần chúng và tầng lớp thượng đẳng;
 - + Các chính khách và nhà ngoại giao;
 - + Truyền thông và nhóm quyền lợi;
 - + Cộng đồng dân tộc, cộng đồng tôn giáo;
 - + Liên minh quốc gia và các tổ chức khu vực;

- + Đảng chính trị và các nhóm chính trị khác;
- + Quốc gia;
- + Các tổ chức tập thể tổng hợp;
- + Các tập đoàn xuyên quốc gia (bao gồm cả các công ty đa quốc gia);
- + Hệ thống thể giới.

*** Đặc trưng:**

Chủ thể QHQT có 4 đặc trưng chính:

- + Có mục đích khi tham gia QHQT, tức là có động cơ tham gia QHQT. Động cơ được cụ thể hoá bằng các lợi ích trong QHQT. Động cơ quyết định việc tham gia quan hệ và sự theo đuổi của chủ thể trong QHQT. Không có mục đích, chủ thể sẽ không tham gia QHQT và không còn là chủ thể QHQT.
- + Có tham gia vào QHQT, tức là tham gia vào quan hệ với nước ngoài và là một bên trong quan hệ đó. Tham gia vào QHQT quy định tính “quan hệ quốc tế” của chủ thể. Không tham gia vào quan hệ với nước ngoài, QHQT không hình thành và chủ thể không trở thành chủ thể QHQT.
- + Có khả năng thực hiện QHQT, tức là phải có năng lực, sự độc lập hay sự tự trị nhất định. Chủ thể không có năng lực thì không hình thành và thực hiện được QHQT. Chủ thể không độc lập hoặc thiếu sự tự trị thì chỉ là công cụ của chủ thể khác mà không phải là chủ thể QHQT thực sự.
- + Hành vi quyết định có ảnh hưởng nhất định tới QHQT, tức là hành vi và quyết định của nó phải có khả năng tác động đến chủ thể khác để hình thành hoặc làm thay đổi quan hệ. Đồng thời, việc có ảnh hưởng cũng khiến các chủ thể khác phải tính đến nó trong chính sách đối ngoại của mình.

Trên cơ sở những đặc trưng mang tính bản chất này, có thể khái quát chúng thành khái niệm như sau: “Chủ thể QHQT là những thực thể đóng 1 vai trò có thể nhận thấy đc trong QHQT”

5. Khái niệm Quốc gia

*** Định nghĩa:**

Cho đến nay, chưa có một định nghĩa thống nhất về Quốc gia. Nhìn nhận dưới góc độ lịch sử và chính trị, có thể đưa ra định nghĩa:

Quốc gia là một phạm vi lãnh thổ có tính độc lập về phương diện đối ngoại, trong đó hình thành các cơ cấu không thể tách rời là chính quyền, một cộng đồng người với yếu tố tập quán thói quen tín ngưỡng và các đoàn thể.

Theo Luật pháp quốc tế, 1 thực thể chỉ đc coi là quốc gia và là chủ thể của Luật QT khi đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau. Một quốc gia bao gồm các yếu tố tự nhiên và xã hội:

- + Có lãnh thổ (qtrọng nhất): với điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của mình
- + Có dân cư thường xuyên: thường gồm nhiều dân tộc
- + Có nhà nước: với các ngành hành pháp, lập pháp, tư pháp, các cơ quan từ TW đến địa phương, các tổ chức chính trị-xh, văn hóa.
- + Có năng lực tham gia vào các quan hệ với các thực thể, quốc gia khác.

*** Các thuộc tính của quốc gia:**

a. Chủ quyền quốc gia:

- Là khái niệm mang tính chính trị, pháp lí để xác định vị thế của một quốc gia trong quan hệ quốc tế.
- Quốc gia là một tổ chức quyền lực có chủ quyền.
- Các tổ chức đảng phái, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác không có chủ quyền quốc gia.

Chủ quyền quốc gia thể hiện ở 2 điểm:

+ Trong qhqt:

- Biểu thị tính độc lập, tự quyết, tự khẳng định của một quốc gia đối với các chủ thể quốc gia khác - là một tiêu chí cơ bản để xác định quyền bình đẳng trong qhqt
- Là nền độc lập của một nước, một dân tộc không chịu sự phụ thuộc và quốc gia khác – là quyền tự quyết của quốc gia không chính quyền bên ngoài chi phối

+ Trong quan hệ đối nội:

- Hoạt động tổ chức, quản lí của chính quyền trên các mặt đời sống xh mà không bị chi phối, phụ thuộc và sự can thiệp, hạn chế của chính quyền bên ngoài.
- Là quyền tối cao của một đất nước, dân tộc được thực hiện toàn bộ quyền của mình trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình.

b. Sức mạnh quốc gia

- Là khả năng tổng hợp của một quốc gia (gồm vật chất, tính thần, hiện có, tiềm tàng...).
- Nhằm tác động và ảnh hưởng ra bên ngoài để thực hiện lợi ích quốc gia.
- Được so sánh trong sự tương quan với sức mạnh các quốc gia khác trong khu vực và trên trường quốc tế.
- Sức mạnh quốc gia khác với quyền lực của quốc gia

Các yếu tố tác động đến sức mạnh của quốc gia:

- Tư nhiên: Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, địa hình... liên quan đến khả năng phát triển kinh tế và phòng thủ của quốc gia.; Tài nguyên thiên nhiên_ là cơ sở cho sự phát triển kinh tế quốc gia, không có mqh bắt buộc với sức mạnh quốc gia.

- Dân số: Số lượng dân; số lượng dân số phù hợp; tốc độ tăng, giảm dân số; cơ cấu tuổi; tỉ lệ nam nữ....

- Truyền thống và tập quán: Truyền thống là những thói quen trong đời sống cùng những nếp suy nghĩ, tư duy về các hành vi, ứng xử trong sản xuất và giao tiếp được hình thành lâu đời trong cộng đồng người, gắn với những môi trường tn và xh nhất định.

VD: Trọng nam khinh nữ

- Sức mạnh quân sự thể hiện ở:

- + Khả năng phòng thủ bảo vệ lãnh thổ và công dân, bảo vệ đl, chủ quyền quốc gia chống các lực lượng phá hoại từ bên trong có bên ngoài hỗ trợ và bên ngoài.
- + Hiệu quả của các hoạt động quân sự ở bên ngoài, khả năng phát huy ảnh hưởng quân sự trong các quan hệ quốc tế.
- + Việc sản xuất, mua sắm vũ khí hiện đại, khả năng sử dụng vũ khí hiện đại, khả năng, kinh nghiệm chiến đấu, tổ chức quân đội...

- Sức mạnh kinh tế: Thể hiện ở:

- + Tổng sản phẩm quốc dân (GDP)
- + Tỉ trọng ngoại thương, tỉ trọng đầu tư trong khu vực và quốc tế
- + Nguồn dự trữ vàng và ngoại tệ
- + Khả năng, kỹ thuật chuyển sức mạnh kinh tế thành sức mạnh quân sự.
- + Vị trí địa lí trong vận tải quốc tế, giao dịch q tế, vai trò trong nền kinh tế quốc tế...

- Khả năng của giới lãnh đạo thể hiện qua:

- + Nhận thức đúng đắn tình hình khu vực và thế giới
- + Khả năng hoạch định chính sách phù hợp.
- + Khả năng tổ chức, thực hiện chính sách.
- + Khả năng tập hợp lực lượng trong nước và quốc tế để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia.

Nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của luật quốc tế, do các quốc gia đưa ra, trong các thỏa thuận quốc tế - luật quốc tế.

Được ghi nhận trong Luật quốc tế: Hiến chương UN (45), Tuyên ngôn về quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia (49), Tuyên bố về những nguyên tắc của Luật quốc tế (70), Tuyên bố về việc củng cố an ninh quốc tế...

Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia bao gồm:

Quyền: (7)

- + Quyền bình đẳng về chủ quyền và quyền lợi
- + Quyền được tự vệ cá nhân hoặc tự vệ tập thể
- + Quyền được tồn tại trong hòa bình và độc lập
- + Quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ
- + Quyền được tham gia vào việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế.
- + Quyền được tự do quan hệ với các chủ thể khác của Luật quốc tế
- + Quyền được trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế phổ cập
- **Nghĩa vụ: (8)** Nghĩa vụ của quốc gia này là quyền của quốc gia khác:
 - + Tôn trọng chủ quyền các quốc gia
 - + Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
 - + Hợp tác hữu nghị với các qg khác nhằm duy trì hb và an ninh quốc tế.
 - + Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng trong qhqt
 - + Tôn trọng quy phạm Jus cogens và những cam kết quốc tế.

+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

6. Những nguyên nhân của xung đột quốc tế

1.1. Khái niệm xđqt

- L.Coser: xung đột xã hội nói chung và xung đột quốc tế nói riêng là *sự va chạm giữa các nhóm người về các giá trị, vai trò, quyền lực hoặc những nguồn lực*, trong đó mỗi bên đều cố gắng làm trung hòa, làm suy yếu hoặc triệt tiêu đối thủ của mình.

1.2. Phân loại xđqt

- Daniel S.Papp: 2 nhóm: cách tiếp cận truyền thống và cách tiếp cận Marxist
- 1: Theo cách tiếp cận truyền thống, xđqt đc chia thành: khủng hoảng quốc tế; xung đột cường độ thấp; khủng bố; nội chiến và cách mạng; chiến tranh thế giới.
- 2: Cách tiếp cận Marxist phân loại xđqt thành: chiến tranh thế giới giữa các hệ thống xã hội (CNXH-CNTB); chiến tranh bảo vệ tổ quốc XHCN (VN 45-75); nội chiến; chiến tranh giải phóng dân tộc; chiến tranh giữa các nhà tư bản (cttg thứ 1, 2).

Xung đột còn có thể đc phân loại thành xung đột nóng, xung đột lạnh, xung đột vừa nóng vừa lạnh

- Xung đột nóng: sử dụng lực lượng vũ trang, chiến tranh, bạo lực vũ trang, sdung quân đội
- Xung đột lạnh: tình trạng căng thẳng trong quan hệ giữa 2 quốc gia, sử dụng các biện pháp phi vũ trang như lên án lẫn nhau, cắt quan hệ ngoại giao, bao vây, cấm vận về kinh tế, văn hóa,... vd: xung đột thương mại mỹ-trung.

3. Nguyên nhân xđqt

Nguyên nhân dẫn đến xđqt hết sức đa dạng, nó có thể là nguyên nhân bên trong hay nguyên nhân bên ngoài, thuộc lĩnh vực này hay lĩnh vực khác... có thể đưa ra những nguyên nhân dẫn đến xđqt sau:

3.1. NN bên ngoài

- xuất phát từ đặc điểm cấu trúc hệ thống chính trị thế giới, bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay - hình thành trật tự thế giới mới
- xuất phát từ sự mất cân bằng cấu trúc trong hệ thống thế giới, do sự xuất hiện của các “quốc gia muốn thay đổi”

- khi sụp đổ hoặc có sự biến đổi lớn trong tương quan lực lượng quốc tế → các qgia này bị mất sự định vị rõ ràng về vị trí của mình trong cấu trúc qhqt, trong việc xác định các định hướng quan hệ, tập hợp lực lượng quốc tế và có xu hướng kết thúc sự tình trạng đó.

3.2 NN bên trong

- nguyên nhân lãnh thổ: biểu hiện qua các tranh cãi về biên giới, lãnh thổ; các cuộc xâm chiếm lãnh thổ
- nguyên nhân chính trị: sự khác biệt hệ tư tưởng; nhân quyền; đàn áp nhóm thiểu số; trợ giúp những người bị áp bức
- nguyên nhân tôn giáo: phân biệt vì tín ngưỡng; ngược đãi tín ngưỡng; va chạm các giá trị tôn giáo
- nguyên nhân kinh tế: sự bao vây cấm vận thương mại, phong tỏa hàng hóa, thiết lập hàng rào thuế quan, bảo hộ hàng hóa, độc quyền sản xuất, pp bán hàng...
- nguyên nhân tài nguyên, môi trường: tranh chấp nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí đốt, hải sản...

Các nguyên nhân khác:

Các nguyên nhân trên chủ yếu là những nguyên nhân nằm trong quan hệ giữa hai quốc gia, hai cộng đồng trên trường quốc tế. Tuy nhiên, mọi xđqt đều có nguồn gốc và các điều kiện phát triển từ ngay trong lòng mỗi nước, mỗi cộng đồng dân cư. Có thể tổng hợp và nhấn mạnh những yếu tố sau:

- Sự tồn tại trong mỗi quốc gia những nhóm dân tộc hoặc những bộ tộc có sự phân chia ranh giới hành chính tương đối rõ ràng. Nó chủ yếu đc tổ chức dựa vào các nguyên tắc lãnh thổ dân tộc.
- Sự tương đối khác nhau ở địa phương kết hợp với sự tập trung cao ở trung ương (các vùng khác nhau về kinh tế, tín ngưỡng, VH, dân tộc), và hậu quả của nó là mất đi cảm giác “quốc gia thuần nhất” và thay thế vào đó là cảm giác dân tộc hoặc tôn giáo thuần nhất.
- Có sự thay đổi xã hội chính trị lớn trong xã hội và sự xuất hiện tầng lớp chính trị hoặc KT mới trong nước
- Sự yếu kém của các cơ quan và cơ cấu dân chủ
- Văn hóa hòa giải, thỏa thuận kém phát triển trong xã hội

Ảnh hưởng của các yếu tố hệ thống và độc lập này thông thường đc hình thành trong hàng chục năm, thậm chí hàng trăm năm, và trong mỗi bước ngoặt của lịch sử lại đc

vận dụng đa dạng. Trong lĩnh vực này, mỗi cuộc xung đột, mỗi tình huống xung đột đều có nét riêng, do vậy chúng đều rất điển hình và k lặp lại.

7. Khái niệm và các loại hợp tác quốc tế

Bên cạnh xđqt, 1 hình thức quan hệ đang trở nên phổ biến trong đời sống chính trị quốc tế là hợp tác quốc tế. Hợp tác quốc tế, liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và nhiều lĩnh vực khác đang lôi cuốn ngày càng nhiều quốc gia tham gia. Trong xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, cách mạng khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, mỗi quốc gia không thể sống biệt lập và không thể phát triển nếu k có chính sách liên kết, hợp tác với các quốc gia và tổ chức khác trong cộng đồng thế giới.

- Hợp tác quốc tế là việc phối hợp hoạt động giữa 2 hay nhiều chủ thể quan hệ quốc tế nhằm thực hiện các lợi ích nhất định

Các loại hợp tác quốc tế: htqt rất đa dạng và phong phú. Xét về mặt số lượng các chủ thể tham gia, htqt có thể có các hình thức: hợp tác song phương, hợp tác đa phương, hợp tác toàn cầu.

a/ Hợp tác song phương: khi có 2 chủ thể tham gia.

Hình thức hợp tác song phương quan trọng nhất là quan hệ giữa 2 quốc gia. Đây là hình thức hợp tác phổ biến nhất trong qhqt nói chung và có thể đc triển khai trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội (KT, chính trị, quân sự, văn hóa...) và giữa các đối tác thuộc cơ cấu nhà nước của 2 bên.

Bên cạnh hình thức hợp tác song phương giữa 2 quốc gia, luôn phát triển hình thức hợp tác giữa các chính đảng, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức nhân dân giữa 2 nước (bao gồm các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội, hòa bình, từ thiện, nhân đạo, môi trường, các tổ chức phi chính phủ...). Các hình thức hợp tác này có tác dụng tăng cường, thúc đẩy hợp tác nhà nước, nhiều khi chúng vượt trước quan hệ nhà nước.

b/ Hợp tác đa phương: khi có nhiều chủ thể tham gia

Hình thức hợp tác đa phương thường biểu hiện thông qua các tổ chức quốc tế, các diễn đàn và hội nghị quốc tế.

Hợp tác đa phương có thể là giữa các quốc gia, các chính đảng, hoặc các tổ chức chính trị xã hội, có thể ở cấp độ khu vực, liên khu vực, châu lục và có thể ở lĩnh vực kinh tế, quân sự, tôn giáo, văn hóa...

Các hình thức hợp tác này đc thể hiện qua sự hoạt động của các tổ chức đa phương như các nhóm nước G8, G7, Tổ chức các nước nói tiếng Pháp, tiếng Anh, Liên minh châu Âu, Khối quân sự Bắc Đại Tây dương,...

c/ Hợp tác toàn cầu: khi tất cả hoặc hầu hết các chủ thể QHQT tham gia

Cơ sở cho sự hợp tác quốc tế này là trùng hợp lợi ích giữa các quốc gia trong cộng đồng thế giới trong việc giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu mà không quốc gia hay nhóm quốc gia riêng lẻ nào có thể giải quyết nổi, cần có sự phối hợp, hợp tác của tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới. Đó là những vấn đề như bảo vệ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường, hạn chế bùng nổ dân số, chống bệnh tật hiểm nghèo, chống khủng bố quốc tế, chống tội phạm quốc tế, khai thác tài nguyên thiên nhiên...

Các quốc gia đang thực hiện hợp tác toàn cầu trong các tổ chức toàn cầu như LHQ, WTO, Quỹ tiền tệ quốc tế,...

VN luôn coi trọng hòa bình, hợp tác và phát triển giữa các quốc gia và nhân dân trên thế giới. Hiện nay VN đã có quan hệ ngoại giao với gần 180 nước, là thành viên của nhiều tổ chức chính trị, kinh tế, tài chính, thương mại của khu vực và thế giới. ĐCS VN có quan hệ với gần 200 ĐCS, công nhân, cánh tả, đảng xã hội dân chủ, đảng cầm quyền, các phong trào hòa bình, bảo vệ môi trường vì sự tiến bộ, dân chủ trên thế giới. Các tổ chức nhân dân cũng có quan hệ hợp tác với hàng nghìn tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Sự tham gia vào các quan hệ đó chính là biểu hiện của sự hợp tác của Đảng, NN và nhân dân ta với các nước, các tổ chức quốc tế và nhân dân trên toàn thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực, bình đẳng, cùng có lợi, vì hòa bình, ổn định và phát triển.

8. Những đặc trưng, vai trò của tổ chức quốc tế

Tổ chức quốc tế là thực thể có cấu trúc tổ chức xác định gồm các thành viên là quốc gia hoặc thuộc nhiều quốc gia đã thành lập và hoạt động trên cơ sở các thỏa thuận giữa các thành viên nhằm theo đuổi những mục tiêu chung.

Tổ chức quốc tế có những đặc trưng cơ bản sau:

a/ Tổ chức quốc tế đã thành lập vì những mục đích chung nhất định. Mục đích này đã các thành viên thỏa thuận và thường được ghi nhận trong các điều ước thành lập tổ chức. Trên cơ sở xác định mục đích chung, các thành viên của tổ chức sẽ thỏa thuận nguyên tắc hoạt động và thành lập cơ cấu tổ chức thích hợp để đạt được mục đích đó.

b/ Tổ chức quốc tế đã thành lập trên cơ sở thỏa thuận giữa các thành viên. Thỏa thuận này được thể hiện bằng văn bản và được gọi bằng các tên khác nhau như Hiến chương (hiến chương LHQ), Quy chế (quy chế của tổ chức y tế thế giới), Hiệp ước (Hiệp ước Marrakesh về thành lập tổ chức thương mại thế giới), hoặc Điều lệ của tổ

chức... Các văn bản này quy định mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, cơ cấu tổ chức và là cơ sở pháp lý cho các hđ của tổ chức.

c/ Thành viên của các tổ chức quốc tế có thể là các quốc gia độc lập, có chủ quyền – đó là các tổ chức quốc tế liên quốc gia; nhưng cũng có thể là các tổ chức hoặc cá nhân mang các quốc tịch khác nhau – đó là các tổ chức quốc tế phi chính phủ; hoặc là hình thức đan xen giữa 2 hình thức trên.

d/ Tổ chức quốc tế liên quốc gia hđ trên 2 nguyên tắc cơ bản:

- Nguyên tắc bình đẳng – tức là các thành viên bình đẳng với nhau và có quyền ngang nhau trong việc nêu ý kiến, thảo luận và đưa ra các quyết định cũng như thực hiện các nghĩa vụ của mình.
- Nguyên tắc k can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thành viên – đây là nguyên tắc thể hiện tính chất chủ quyền về lãnh thổ và khả năng của mỗi quốc gia trong việc thực hiện công việc nội bộ của mình (trừ các trường hợp đã đc ghi nhận trong quy chế, điều lệ thành lập của tổ chức, ví dụ, quy chế cưỡng chế đc quy định trong Hiến chương LHQ)

Trong trường hợp ngoại lệ, việc trao thêm quyền hoặc nghĩa vụ cho 1 thành viên ngoài những quyền và nghĩa vụ thông thường phải đc sự đồng ý của các thành viên khác, ví dụ, trao thêm các quyền đặc biệt cho các thành viên của Hội đồng bảo an LHQ.

e/ Các thành viên tự nguyện tham gia tổ chức quốc tế. Đối với các thành viên là các quốc gia, điều này xuất phát từ nguyên tắc bình đẳng chủ quyền quốc gia trong QHQT. Xuất phát từ sự tự nguyện tham gia, các thành viên có thể rút ra khỏi tổ chức quốc tế theo điều lệ của tổ chức đó. Đồng thời, các quyết định, nghị quyết của tổ chức quốc tế thường mang tính chất khuyến nghị, ngoại trừ những vấn đề đã đc ghi trong điều lệ về hđ nội bộ mang tính bắt buộc đã đc các thành viên thỏa thuận.

Các tổ chức quốc tế có vai trò rất lớn đối với đời sống chính trị trong và ngoài quốc gia.

a/ Với các quốc gia

- Các quốc gia thông qua các tổ chức quốc tế để thực hiện chiến lược đối ngoại của mình: các mục tiêu chính trị, an ninh, quốc phòng, KT, XH...
- Tổ chức quốc tế là diễn đàn để các quốc gia bày tỏ quan điểm, tập hợp lực lượng, tranh thủ dư luận, tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia khác và là nơi để đấu tranh chống các quan điểm k có lợi cho mình. Đây là nơi các quốc gia vừa đấu tranh, vừa hợp tác để bảo vệ, phát triển lợi ích của mình.

- Tổ chức quốc tế là công cụ để các quốc gia giải quyết các vấn đề có cùng mối quan tâm chung nhằm thực hiện những lợi ích chung.

b/ Với khu vực và quốc tế

- Các tổ chức quốc tế lớn như LHQ, Tổ chức an ninh và hợp tác châu Âu có vai trò nhất định trong gìn giữ hòa bình, an ninh khu vực và toàn thế giới, giúp ngăn ngừa, giải quyết các cuộc xung đột bằng pp hòa bình, lập lại hòa bình ở nhiều khu vực trên thế giới.
- Tổ chức quốc tế tạo ra sự đối thoại, hợp tác và phát triển, tập hợp lực lượng, góp phần làm tăng tính cùng phụ thuộc giữa các quốc gia, làm cho lợi ích giữa các quốc gia ngày càng đan xen nhau,

Tuy nhiên, việc đánh giá vai trò của các tổ chức quốc tế, tính tích cực hay tiêu cực của 1 tổ chức quốc tế cần đc nhìn nhận trong từng trường hợp cụ thể, trong giai đoạn lịch sử cụ thể và dưới góc độ bảo vệ quyền lợi, lợi ích quốc gia cụ thể.

9. Khái niệm lợi ích quốc gia

- lợi ích là cái hiện thực hóa mục tiêu (mong muốn, nguyện vọng, ước mơ, khát vọng...)
- lợi ích quốc gia là cái đảm bảo/hiện thực hóa mục tiêu: an ninh, phát triển và ảnh hưởng của quốc gia

Một quốc gia có những mục tiêu cụ thể là:

- Mục tiêu an ninh: an ninh lương thực, an ninh quốc phòng, an ninh lãnh thổ, an ninh xã hội...
- Mục tiêu phát triển: kinh tế, giáo dục, con người
- Mục tiêu ảnh hưởng: vị thế
- Các mục tiêu có thể cùng xuất hiện trong 1 thời kỳ, nhưng sẽ có 1 mục tiêu nổi trội hơn (Ukraine: an ninh, VN: phát triển...)

Tác động tới QHQT: động cơ chính sách và hướng dẫn hành vi quốc gia, quy định xung đột và hợp tác quốc tế, thúc đẩy sự phát triển của QHQT, góp phần tạo ra các xu hướng lớn trong QHQT.

10. Khái niệm sức mạnh quốc gia, những yếu tố tự nhiên cấu thành nên sức mạnh quốc gia.

- Sức mạnh quốc gia có thể hiểu theo 2 phương diện: thứ nhất, khả năng vật chất và tinh thần có thể đc khai thác để thực hiện lợi ích quốc gia, khả năng hiện có và

tiềm tàng; thứ hai, khả năng của giới lãnh đạo phát huy hiệu quả các khả năng đó trong hoạt động quốc tế, tạo ra hiệu quả cao nhất cho việc thực hiện mục tiêu quốc gia.

- Là khả năng tổng hợp của một quốc gia (gồm vật chất, tinh thần, hiện có, tiềm tàng...).
- Nhằm tác động và ảnh hưởng ra bên ngoài để thực hiện lợi ích quốc gia.
- Được so sánh trong sự tương quan với sức mạnh các quốc gia khác trong khu vực và trên trường quốc tế.
- Sức mạnh quốc gia khác với quyền lực của quốc gia.

Những yếu tố tự nhiên cấu thành nên sức mạnh quốc gia: nhân tố tự nhiên bao gồm vị trí địa lý, diện tích, địa hình, điều kiện khí hậu, tài nguyên thiên nhiên của quốc gia.

Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng, chi phối mạnh mẽ đến lịch sử hình thành, phát triển của quốc gia. Điều kiện tự nhiên là yếu tố khách quan, vốn có, được thiên nhiên tạo lập, con người khai thác, sử dụng các điều kiện tự nhiên sẵn có và bằng lao động của mình cải tạo thế giới tự nhiên. Tùy theo từng giai đoạn phát triển lịch sử khác nhau, tùy theo từng mục tiêu phát triển khác nhau mà điều kiện tự nhiên có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của quốc gia. Trong quá trình phát triển của mình, các quốc gia thường khai thác triệt để những ưu thế về điều kiện địa lý và tài nguyên thiên nhiên để phát triển đất nước và hạn chế những bất lợi do thiên nhiên chi phối.

- Vị trí địa lý, điều kiện địa hình của quốc gia liên quan mật thiết đến khả năng phát triển kinh tế và phòng thủ của quốc gia. Trong lịch sử quan hệ quốc tế, quốc gia nào có điều kiện tự nhiên gây trở ngại cho việc di chuyển của các lực lượng viễn chinh thì những chi phí cho việc phòng thủ sẽ bớt đi nhiều. Tuy nhiên, khi có lợi cho phòng thủ thì thường lại bất lợi cho phát triển việc giao lưu kinh tế.
- Tài nguyên thiên nhiên luôn là cơ sở cho phát triển kinh tế của 1 quốc gia. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào giàu tài nguyên cũng là quốc gia mạnh và ngược lại. Tài nguyên thiên nhiên có đem lại sức mạnh hay không còn phụ thuộc vào khả năng khai thác và sử dụng tài nguyên, vào trình độ kỹ thuật, cơ cấu nền kinh tế.

Sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên là những bất lợi về mặt chính trị đối với những nước yếu, thậm chí đối với những nước có tương quan KT, chính trị cân bằng.

- Ngày nay, với sự phát triển của KHKT, tầm quan trọng của nhân tố địa lý k còn mạnh mẽ đc như trước nữa, tuy nhiên địa lý vẫn là nhân tố quan trọng có thể làm tăng sức mạnh quốc gia, tăng sự lựa chọn trong hđ đối ngoại của quốc gia.

11. Khái niệm chủ quyền quốc gia. Phân tích một ví dụ minh họa về việc xâm phạm và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên thực tiễn hiện nay

- Là khái niệm mang tính chính trị - pháp lí để xác định vị thế của một quốc gia trong quan hệ quốc tế.

- Quốc gia là một tổ chức quyền lực có chủ quyền.

- Các tổ chức đảng phái, công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác không có chủ quyền quốc gia.

*** Chủ quyền quốc gia thể hiện ở 2 nội dung:**

+ Trong qhqt:

- Biểu thị tính độc lập, tự quyết, tự khẳng định của một quốc gia đối với các chủ thể quốc gia khác là một tiêu chí cơ bản để xác định quyền bình đẳng trong qhqt

- Là nền độc lập của một nước, một dân tộc không chịu sự phụ thuộc và quốc gia khác – là quyền tự quyết của quốc gia không chính quyền bên ngoài chi phối.

- Nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia là 1 trong những nguyên tắc quan trọng hàng đầu và đc thể hiện trong các văn bản pháp lý quốc tế, trong tôn chỉ, mục đích của LHQ và các tổ chức quốc tế khác.

+ Trong quan hệ đối nội, dưới góc độ tổ chức quản lý xã hội:

- Chủ quyền quốc gia thể hiện qua hoạt động tổ chức, quản lí của chính quyền trên các mặt đời sống xh mà không bị chi phối, phụ thuộc và sự can thiệp, hạn chế của chính quyền bên ngoài.

- Chủ quyền quốc gia là quyền tối cao của một đất nước, dân tộc được thực hiện toàn bộ quyền của mình trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình.

Hai nội dung của chủ quyền quốc gia gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại đối với nhau. Nếu k có quyền lực tối cao trong phạm vi lãnh thổ của mình, thì quốc gia k thể độc lập trong QHQT và ngược lại, những QHQT lĩnh vực kinh tế và chính trị càng làm cho NN có vai trò nổi bật hơn trong các quan hệ đối nội, giúp NN củng cố và phát triển các mối quan hệ đó trong 1 thể thống nhất.

***Ví dụ minh họa:**

- **Xâm phạm:** Biển đảo Việt Nam trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của người Việt Nam. Điều này đã được chứng minh bằng lịch sử và các tài liệu khoa học. Các tư liệu khoa học và pháp lý được công bố hiện nay, đều thể hiện quá trình khai phá, chiếm hữu và thực thi chủ quyền liên tục, của Việt Nam suốt chiều dài lịch sử. Tuy nhiên những năm gần đây, Trung Quốc đã có nhiều hành động xâm hại đến chủ quyền biển đảo của Việt Nam: bắt ngư dân Việt làm ăn, tấn công các tàu Việt trên vùng biển của chính Việt Nam, ngang ngược xây dựng thành phố Tam Sa trên quần đảo Hoàng Sa...

Những hành động nói trên của phía Trung Quốc đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; xâm phạm quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam đối với các vùng biển của Việt Nam; vi phạm Thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc ký tháng 10/2011; trái với tinh thần Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và Tuyên bố cấp cao kỷ niệm 10 năm DOC, làm cho tình hình Biển Đông thêm phức tạp.

- **Bảo vệ:**

Biển, đảo Việt Nam là một bộ phận cấu thành chủ quyền quốc gia, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây cũng là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh, là tuyến phòng thủ hướng đông của đất nước, tạo khoảng không gian cần thiết giúp kiểm soát việc tiếp cận lãnh thổ trên đất liền.

Kế thừa và phát triển ý thức chủ quyền biển, đảo của ông cha trong lịch sử dựng nước và giữ nước, cũng như nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách về biển, đảo. Quản lý, khai thác đi đôi với bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển, làm cho đất nước giàu mạnh là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta.

Những năm qua, trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quân và dân ta triển khai tích cực các hoạt động bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Chúng ta đã “Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo vệ được chủ quyền biển, đảo, vùng trời và giữ được hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”(1). Đồng thời, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng nêu “nhận thức của toàn hệ thống chính trị, nhân dân và đồng bào ta ở nước ngoài về vị trí, vai trò của biển đảo đối với phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền quốc gia được nâng lên rõ rệt. Chủ quyền, an ninh quốc gia trên biển được giữ vững”.

Hiện nay, sức mạnh tổng hợp của quốc gia, thế và lực của ta trên các vùng biển, đảo đã tăng lên nhiều. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, “thế trận lòng dân” trên

biển, đảo không ngừng được củng cố, tăng cường. Các lực lượng quản lý, bảo vệ biển, đảo từng bước được xây dựng, phát triển ngày càng vững mạnh hơn, trong đó Hải quân nhân dân Việt Nam được Đảng, Nhà nước ưu tiên đầu tư tiến thẳng lên hiện đại, có sự trưởng thành, lớn mạnh vượt bậc, đủ sức làm nòng cốt bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Bộ đội Hải quân cùng các lực lượng thực thi pháp luật khác trên biển (cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, kiểm ngư...) không quản ngại khó khăn, gian khổ, hiểm nguy; kiên cường bám trụ nơi “đầu sóng, ngọn gió”; đêm ngày tuần tra, kiểm soát, khẳng định, bảo vệ chủ quyền, giữ bình yên biển, đảo, thực sự là điểm tựa tin cậy cho nhân dân yên tâm vươn khơi bám biển, phát triển kinh tế. Đặc biệt, mỗi khi phải đối mặt với tình huống phức tạp, căng thẳng, các lực lượng trên biển luôn nêu cao ý chí quyết tâm “còn người, còn biển, đảo”, “một tấc không đi, một li không rời”; thực hiện đúng đối sách, phương châm, tư tưởng chỉ đạo; khôn khéo, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, an ninh, trật tự trên biển; không để xảy ra xung đột; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước.

Bảo vệ chủ quyền biển, đảo cần phải có hệ thống chính sách, pháp luật chặt chẽ, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế. Do đó, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Luật Biển Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất trong quản lý, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Chú trọng nghiên cứu xây dựng các chính sách về phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển; về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, bảo vệ biển, đảo. Sự kết hợp đó phải thể hiện rõ trong quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển của quốc gia cũng như từng vùng, từng địa bàn, từng ngành. Đồng thời, phải hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, phối hợp, hiệp đồng các lực lượng, các mặt trận đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo khi có tình huống.

12. Những quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia trong quan hệ quốc tế

Nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia được hình thành và phát triển cùng với sự phát triển của luật quốc tế

Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia bao gồm:

Quyền: (7)

- + Quyền bình đẳng về chủ quyền và quyền lợi
- + Quyền được tự vệ cá nhân hoặc tự vệ tập thể
- + Quyền được tồn tại trong hòa bình và độc lập
- + Quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ

- + Quyền được tham gia vào việc xây dựng các quy phạm pháp luật quốc tế.
- + Quyền được tự do quan hệ với các chủ thể khác của Luật quốc tế
- + Quyền được trở thành thành viên của các tổ chức quốc tế phổ cập

Nghĩa vụ: (8)

- + Tôn trọng chủ quyền các quốc gia
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- + Hợp tác hữu nghị với các qg khác nhằm duy trì hb và an ninh quốc tế.
- + Tôn trọng nguyên tắc bình đẳng trong qhqt
- + Tôn trọng quy phạm Jus cogens và những cam kết quốc tế.
- + Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

Các quốc gia có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản nêu trên trong sinh hoạt quốc tế 1 cách độc lập, theo ý chí của quốc gia mình, hoặc thông qua cộng đồng trong quan hệ hợp tác với các quốc gia khác.

Trong QHQT, quốc gia có thể tự hạn chế quyền và nghĩa vụ cơ bản của mình trong những lĩnh vực và phạm vi nhất định, trong những điều kiện k trái với các quy ước quốc tế, hoặc cũng có thể gánh vác thêm những quyền và nghĩa vụ bổ sung nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế. Song tất cả các việc làm nêu trên đều k nhằm hạn chế hoặc mở rộng chủ quyền của các quốc gia đó. Việc làm này chỉ có ý nghĩa đến sự hình thành 1 quy chế pháp lý của quốc gia trong sinh hoạt quốc tế mà thôi.

13. Khái niệm các vấn đề toàn cầu. Lấy ví dụ thực tiễn minh họa

1. Khái niệm

Thuật ngữ "những vấn đề toàn cầu" dùng để chỉ những vấn đề mà tác động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi cá nhân, vận mệnh tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới (bất kể giàu, nghèo, nền chính trị khác nhau...). Các vấn đề toàn cầu là những vấn đề lớn, cấp bách, nguyên nhân và quy mô tác động ở mọi cấp độ, từ cá nhân, quốc gia và toàn thế giới.

Để tiếp cận một vấn đề toàn cầu, trước hết ta cần phải hiểu được nguyên nhân nảy sinh và phát triển của vấn đề đó; phạm vi, quy mô, và tác động của nó đối với các quốc gia trên thế giới như thế nào; và cuối cùng là cần phải giải quyết, khắc phục hậu quả mà nó gây ra. Nhưng, để giải quyết 1 vấn đề toàn cầu là một bài toán rất khó, vì: cần sự chung tay, góp sức của nhiều quốc gia trên TG; phụ thuộc vào ý thức cá nhân của con người về

việc giải quyết vấn đề, ý thức phòng tránh,...; chạm tới lợi ích cá nhân - tập thể; quốc gia – nhân loại,....

Những vấn đề toàn cầu và cuộc đấu tranh để giải quyết chúng có tính chất lịch sử, đòi hỏi con người phải có vai trò chủ động và trách nhiệm cao.

Trong những thời điểm lịch sử khác nhau thì có những vấn đề toàn cầu khác nhau, do đó biện pháp giải quyết cũng khác nhau.

Ngày nay con người đang đứng trước hàng loạt vấn đề toàn cầu gay gắt. Nguyên nhân là do sự phát triển mạnh mẽ của llsx, khoa học, công nghệ dẫn đến sự phân bố lại các lực lượng xã hội trên quốc tế, là quá trình đấu tranh và hợp tác về quân sự, chính trị, kinh tế giữa các quốc gia, dân tộc.

Nhìn chung, những năm tới những vấn đề toàn cầu vẫn trong xu hướng gia tăng về số lượng, quy mô và tính chất của nó.

2 tổ hợp bao gồm 1 số vấn đề toàn cầu hoặc có tính toàn cầu:

- Tổ hợp 1: gồm tất cả các vấn đề có liên quan tới việc giải quyết mối quan hệ giữa người với người, nảy sinh trong quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc về chính trị, quân sự và kinh tế. Gồm các cuộc đấu tranh lớn, nhỏ, trong đó có cuộc đấu tranh để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình, khắc phục tình trạng lạc hậu và bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển, thiết lập trật tự kt thế giới, cuộc đấu tranh nhằm tạo đk cho sự tiến bộ của mọi qgia (chống nghèo đói, bệnh tật)

- Tổ hợp 2: những vấn đề phản ánh mqh và mâu thuẫn giữa con người và thế giới tự nhiên: khắc phục tình trạng tàn phá môi trường, coi thiên nhiên là đối tượng xâm lược, giải quyết cân bằng sinh thái, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của loài người, thúc đẩy quá trình nghiên cứu, đẩy mạnh cuộc CMKHCN phục vụ cuộc sống hòa bình toàn nhân loại.

Từ 2 tổ hợp trên, tùy theo lập trường của giai cấp cầm quyền, dựa vào những vấn đề cấp bách của nước mình mà mỗi quốc gia có thể nêu lên những vấn đề toàn cầu khác nhau.

ĐCSVN xác định: những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người là gìn giữ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi bệnh tật hiểm nghèo.

Hiện nay, các chính phủ, các nhà hđ khoa học, chính trị thống nhất rằng có 2 vấn đề toàn cầu quan trọng nhất, có liên quan trực tiếp đến sự sống còn của loài người: bảo vệ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và tình trạng mtrg sống bị phá hủy nghiêm trọng.

VD: Vấn đề thay đổi khí hậu: Hiệp định Kyoto có 4 quốc gia không ký. trong đó, Mỹ đã ký năm 1997 nhưng đến năm 2001, Mỹ rút khỏi hiệp định do nền KT của Mỹ chủ yếu

phụ thuộc vào than đá, dầu mỏ, nếu ký hiệp định Mỹ sẽ phải thay 1 loạt về KT, sản xuất, do không đồng ý với quyết định trong hiệp định Kyoto của Mỹ.

***Ví dụ: Chiến tranh-hòa bình**

Nguồn gốc của chiến tranh vẫn đang tồn tại và nguy cơ bùng nổ chiến tranh vẫn có thể xảy ra.

- Trong 5500 năm gần đây, chỉ có 292 năm là sống trong hòa bình; năm 200, có 144 cuộc xung đột, 12 cuộc chiến tranh, 24 cuộc khủng hoảng.

- Nguyên nhân của những cuộc chiến tranh:

+ Vấn đề nâng cao lợi ích các quốc gia (mở rộng lãnh thổ, tài nguyên)

VD: chiến tranh Iraq liên quan đến lợi ích về dầu mỏ

+ Xung đột (về tôn giáo, sắc tộc...) vẫn đang tồn tại ở nhiều nơi và có nguy cơ xảy ra chiến tranh do chế độ tư hữu vẫn còn tồn tại mà tiêu biểu là cntb; 8 quốc gia trên thế giới có kho vũ khí hạt nhân (với nhiều mục đích như: để đe dọa các nước khác; phòng vệ, răn đe các thế lực thù địch; tấn công...)

- Cách giải quyết vấn đề:

+ Nâng cao khả năng hoạt động của các thể chế khu vực

+ Sau CMT10 Nga, Lenin có đưa ra nguyên tắc: "Cùng tồn tại hòa bình" giữa các nước có chế độ chính trị-xã hội khác nhau, với nội dung: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không xâm lược lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; bình đẳng và 2 bên đều có lợi; cùng tồn tại hòa bình. => phù hợp với quy luật phát triển của thế giới.

+ Hợp tác cùng phát triển

14. Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “Đấu tranh bảo vệ môi trường sống”

Đấu tranh bảo vệ môi trường sống là cuộc đấu tranh nhằm khắc phục những mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ giữa người với người, với thiên nhiên.

Thực chất của cuộc đấu tranh này là nhằm tối ưu hóa việc sử dụng mtrg xung quanh gồm: đất, nước, kkhi, tài nguyên thiên nhiên vào việc phục vụ đời sống con người k chỉ cho thế hệ hôm nay mà còn cho các thế hệ tiếp nối sau này.

Ngày nay, mtrg sống trên trái đất bị phá hoại nghiêm trọng. Tình trạng trên đe dọa trực tiếp đến sự sống của loài người. Do tầm quan trọng của vấn đề mà trong khuôn khổ của LHQ, tại các hội nghị hàng năm, đại diện của nhiều quốc gia đặt vấn đề trong khi nguy

cơ sử dụng vũ khí hạt nhân đã bị đẩy lùi 1 bước thì nguy cơ ô nhiễm môi trường sống vẫn tăng lên và nó đang nhích gần đến sánh ngang với nguy cơ hủy diệt của hạt nhân; bởi bị trên toàn cầu, mtrg sống bị phá hủy nghiêm trọng. Bảo vệ mtrg sống trở thành nhiệm vụ quan trọng của mn, của mọi dân tộc.

+ Môi trường nước: Mỗi năm trên TG có khoảng 500 tỷ tấn nước bẩn thải vào các vùng nước của tự nhiên làm ô nhiễm khoảng 40% lưu lượng nước các dòng sông. Có khoảng 20% số dân thành thị và 70% dân cư nông thôn không được dùng nước sạch. Năm 2003, 40% dân số trên 80 quốc gia bị thiếu nước nghiêm trọng và hiện tượng này có thể nghiêm trọng hơn trong tương lai.

+ Môi trường đất: Có trên 2 tỷ tấn rác thải công nghiệp đổ ra trên thị trường mỗi năm, trong đó có rá thải khó phân hủy là túi nilon. Hiện tượng mất rừng đang diễn ra, theo dự đoán, trong 200 năm tới sẽ không còn mảnh rừng nào trên trái đất.

+ Ngoài ra còn có tình trạng khan hiếm năng lượng vì khai thác quá mức và việc khí hậu biến đổi thất thường.

***Phương hướng giải quyết:**

- Bảo vệ, tái tạo giới hữu sinh; sử dụng hợp lý, có ý thức trách nhiệm với các tài nguyên thiên nhiên trên rừng, dưới biển, trong lòng đất 1 cách tiết kiệm.

- Hạn chế dần việc phát triển những ngành công nghiệp có nhiều chất thải độc hại, tăng cường nghiên cứu, sử dụng những dạng năng lượng mới k có chất thải độc hại.

- Gắn chặt cuộc đấu tranh bảo vệ mtrg sống, đấu tranh chống đói nghèo bệnh tật với cuộc đấu tranh chống chạy đua vũ trang, giải trừ quân bị, trước hết là giải trừ vũ khí hạt nhân.

- Để giải quyết vấn đề này, tại nhiều quốc gia trên thế giới đã tiến hành các biện pháp như: tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức các cá nhân và cộng đồng về vấn đề thải rác, gây tiếng ồn,...; tổ chức các đợt vận động trồng cây gây rừng để phủ xanh đồi trọc, chăm sóc, không chặt phá cây rừng bừa bãi,...; xây dựng những biện pháp xử lý rác thải, tái chế có hiệu quả; sử dụng các nguồn năng lượng xanh...

15. Thực trạng vấn đề bệnh tật hiểm nghèo trên thế giới

Những bệnh hiểm nghèo mang tính toàn cầu xuất hiện ở tất cả các nước, nếu k tích cực phòng ngừa thì mn đều có thể mắc phải.

Trước những căn bệnh hiểm nghèo đang lan tràn trên phạm vi toàn cầu, nền y học thế giới đc sự hỗ trợ rất lớn của các quốc gia và quốc tế đã tập trung nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân và pp điều trị, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm ra đc những phương thuốc phòng chống và cách điều trị có hiệu quả.

Một trong những căn bệnh hiểm nghèo nhất xuất hiện ở hầu khắp các nước hiện nay đó là HIV/AIDS. Kể từ khi y học phát hiện ra người đầu tiên mắc bệnh vào năm 1980 đến nay, con số bệnh nhân của căn bệnh này đã lên tới hàng triệu người khắp các châu lục. Nó đã trở thành căn bệnh thế kỷ, đại dịch thời đại. Điều đáng nói là đã có nhiều người chết, số người bị nhiễm bệnh chờ chết vì HIV/AIDS vẫn tiếp tục gia tăng trong khi y học hiện đại hầu như bất lực.

Những bệnh hiểm nghèo nói chung, HIV/AIDS nói riêng đã đe dọa sự sống của nhân loại, đồng thời gây nên những hậu quả xấu về mặt KT-XH, hạn chế xu thế giao lưu, hợp tác quốc tế hiện nay.

***Phương hướng giải quyết:**

- Cấp quốc tế: hội thảo y học thế giới
- Cấp quốc gia:
 - + Nâng cao công tác y tế, phát triển y học
 - + Nâng cao mức sống...

Ngoài những vấn đề trên, còn nhiều những vấn đề khác, mà biện pháp chung để giải quyết những vấn đề đó là việc giáo dục, nâng cao ý thức người dân, có những biện pháp điều chỉnh phù hợp để khắc phục các vấn đề đó;...

- Cá nhân: nhận thức, hành động.

16. Các giải pháp để ngăn ngừa, đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo

- Cấp quốc tế: hội thảo y học thế giới
- Cấp quốc gia:
 - + Nâng cao công tác y tế, phát triển y học
 - + Nâng cao mức sống...

Ngoài những vấn đề trên, còn nhiều những vấn đề khác, mà biện pháp chung để giải quyết những vấn đề đó là việc giáo dục, nâng cao ý thức người dân, có những biện pháp điều chỉnh phù hợp để khắc phục các vấn đề đó;...

- Cá nhân: nhận thức, hành động.

17. Thực trạng và các hướng giải quyết vấn đề “bùng nổ dân số”

Bùng nổ dân số là sự tăng trưởng mật độ dân số ở mức độ cao khiến cho kgian, lương thực thực phẩm, đất đai, nước uống và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác trong khoảng kgian hiện có k đủ để cung cấp cho nhu cầu của tất cả dân số.

Xem xét tình hình dân số thế giới từ trước đến nay thì dân số thế giới bùng nổ với 1 tốc độ khá chóng mặt.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều nước đang xảy ra hiện tượng bùng nổ dân số: VN 99 triệu người, xếp thứ 15 TG; TQ vs số dân xấp xỉ 1,4 tỷ người... Điều đó làm suy giảm chất lượng cuộc sống của các quốc gia này; tỷ lệ người mắc phải tệ nạn xã hội cao,..... Mà nguyên nhân chủ yếu của những hậu quả đó là do ý thức con người: do quan niệm người xưa muốn nhà đông con, do tỉ lệ sinh-tử chênh lệch nhiều; y tế phát triển dẫn đến tỉ lệ tử giảm đi trong khi đó tỉ lệ sinh ngày càng tăng....

***Phương hướng giải quyết:**

- Cấp quốc gia

+ Đánh giá đúng đắn về tình hình dân số, nhận thức đc tầm quan trọng của cơ cấu dân số hợp lý → định hướng: nâng cao chất lượng dân số, tạo cơ sở dân số hợp lý ở các siêu đô thị, gắn phát triển dân số với phát triển KT-XH và môi trường

+ Thực hiện nhiều chương trình tuyên truyền và giảng dạy để nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân

+ Có 1 chiến lược thực hiện KHHGD phổ biến và có hiệu quả

+ Tạo cơ hội việc làm để hạn chế tác động tiêu cực của đô thị hóa, tránh tình trạng dân số tập trung quá đông tại các siêu đô thị

- Cấp quốc tế: bùng nổ dân số là 1 vấn đề toàn cầu, tác động đến tất cả các quốc gia và vì vậy để giải quyết đc cũng k thể chỉ dừng lại ở giải pháp của từng quốc gia riêng lẻ mà cần phải tính đến sự hợp tác, những nỗ lực tập thể của nhiều quốc gia trên thế giới.

Tổ chức các hội nghị quốc tế về dân số với đại diện của tất cả các quốc gia, đại diện của LHQ, các tổ chức phi chính phủ, cty xuyên quốc gia để cùng tìm ra giải pháp chung.

- Cá nhân: nâng cao nhận thức